

Sinh kế của người Bru - Vân Kiều khu vực biên giới tỉnh Quảng Bình

Phạm Thị Cẩm Vân*

Nhận ngày 10 tháng 5 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 8 tháng 8 năm 2024.

Tóm tắt: Vùng biên giới Việt Nam - Lào là nơi sinh sống của nhiều tộc người và các cộng đồng này đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh quốc phòng vùng biên. Hoạt động sinh kế của người Bru - Vân Kiều ở đây được coi là một trong những yếu tố quan trọng tác động đến mọi mặt đời sống xã hội và ổn định chính trị khu vực biên giới, tuy nhiên, lại chưa được nghiên cứu thỏa đáng. Từ kết quả điền dã dân tộc học năm 2023, bài viết phân tích các hoạt động sinh kế của người Bru - Vân Kiều và các yếu tố tác động đến hoạt động sinh kế của tộc người này. Kết quả cho thấy, người Bru - Vân Kiều ở vùng biên giới đã đa dạng hóa các hoạt động sinh kế của mình để tăng thu nhập, nâng cao mức sống. Tuy nhiên, do sự tác động của thiên tai, sự thiếu thốn của cơ sở hạ tầng và chính sách về quản lý đất rừng chưa hoàn thiện nên hoạt động sinh kế của người Bru - Vân Kiều nơi đây chưa thực sự bền vững.

Từ khóa: Bru - Vân Kiều, sinh kế, vùng biên giới, Quảng Bình.

Phân loại ngành: Dân tộc học

Abstract: The Vietnam - Laos border areas are inhabited by several ethnic groups who play a critical role in socio-economic development and national sovereignty protection. Their livelihood activities are considered factors affecting people's lives and political stability in border areas, however, they are not well studied. Based on the ethnographic fieldwork data collecting in 2023, this article examines the economic activities of the Bru - Vân Kiều and what factors affect to these activities. The results show that the Bru - Vân Kiều has diversified their economic activities in order to increase their earning and living conditions. However, due to the impact of natural disasters, lack of infrastructure or incomplete policies on forest land management, the economic activities of the Bru - Vân Kiều ethnic group are not really sustainable.

Keywords: Bru - Vân Kiều people, livelihoods, border, Quảng Bình.

Subject classification: Ethnology

1. Mở đầu

Khu vực biên giới Việt Lào tỉnh Quảng Bình là một trong những địa bàn cư trú lâu đời của người Bru - Vân Kiều. Vùng đất này vốn chịu nhiều thiên tai, hạn hán, lũ lụt,... đồng thời sự thiếu thốn về cơ sở hạ tầng và giao thông khiến đời sống người dân còn nhiều khó khăn. Theo thống kê năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo ở xã Kim Thủy (một trong ba xã giáp biên giới Việt - Lào, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình) là 35,93% (UBND xã Kim Thủy, 2022), cao gấp nhiều lần so với tỷ lệ hộ nghèo trung bình vùng nông thôn của tỉnh Quảng Bình (tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn là 5,96%).

Sinh kế được coi là một trong những yếu tố quan trọng tác động đến đến mọi mặt đời sống của người dân. Nghiên cứu về chủ đề sinh kế của người Bru - Vân Kiều ở nước ta đã

* Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: phamcamvan0403@gmail.com

được đề cập ở một vài khía cạnh: sinh kế truyền thống và biến đổi sinh kế (Nguyễn Thị Mỹ Vân, 2013; Bùi Thị Bích Lan, Phạm Thị Hà Xuyên, 2018; Viện Dân tộc học, 2014); tái định cư và sinh kế (Nguyễn Xuân Hồng, 2013); thiên tai và sinh kế (Nguyễn Công Thảo, 2024; Phạm Thị Cẩm Vân, 2024).

Cho đến nay, sinh kế chính của người Bru - Vân Kiều vùng biên giới Việt Lào hiện nay chủ yếu là trồng trọt, chăn nuôi và khai thác các nguồn lợi từ tự nhiên. Hoạt động làm thuê cũng bắt đầu xuất hiện. Nhờ vậy, thu nhập của người dân cũng dần được cải thiện. Bên cạnh đó, các hoạt động sinh kế hiện nay của người Bru - Vân Kiều còn gặp nhiều trở ngại khiến tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo của người Bru - Vân Kiều nơi đây còn rất cao. Trước thực trạng này, bài viết thực hiện nhằm cung cấp thêm bức tranh sinh kế của người Bru - Vân Kiều ở bản Hà Lọc và Mít Cát thuộc xã Kim Thủy - một xã biên giới của tỉnh Quảng Bình và làm rõ một số những khó khăn mà họ đang gặp phải hiện nay. Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng là khảo sát thực địa vào tháng 4/2023 tại huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình; thực hiện 20 cuộc phỏng vấn sâu với đại diện là các nhóm có tham gia hoạt động sinh kế (trồng trọt, chăn nuôi, khai thác tự nhiên,...), các nhà quản lý tại địa phương; việc phân tích các yếu tố tác động đến hoạt động sinh kế của người dân tại địa bàn nghiên cứu cũng được thực hiện xuyên suốt trong quá trình nghiên cứu. Bên cạnh đó, việc thu thập và phân tích các số liệu thứ cấp có liên quan đến địa bàn nghiên cứu cũng được thực hiện.

2. Giới thiệu địa bàn nghiên cứu

Xã Kim Thủy là xã biên giới nằm ở phía Tây của huyện Lệ Thủy, cách trung tâm thị trấn huyện khoảng 40km theo đường Hồ Chí Minh. Xã Kim Thủy có diện tích tự nhiên là 485,67 km² chiếm 34,29% diện tích tự nhiên của toàn huyện Lệ Thủy. Theo số liệu thống kê của Ủy ban Nhân dân (UBND) xã năm 2022, Kim Thủy hiện có 4.689 người với 1.256 khẩu. Trong đó, số hộ người Bru - Vân Kiều là 780 hộ (chiếm 62,4%), số hộ người Kinh là 476 hộ (chiếm 37,6%). Toàn xã hiện có 12 thôn bản và 01 cụm khu dân cư, trong đó có 10 thôn, bản thuộc diện thôn, bản đặc biệt khó khăn khu vực III. Tỷ lệ hộ nghèo chiếm 35,93%. Tại hai bản nghiên cứu là Hà Lọc và Mít Cát có 100% dân số là người Bru - Vân Kiều.

Về điều kiện tự nhiên: xã Kim Thủy thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có mùa hè nóng khô và mưa muộn. Mùa hè từ tháng 4 đến tháng 9, không khí oi bức, nóng và khô, nền nhiệt cao. Mùa đông từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau. Thời gian này thường xuyên có gió mùa đông bắc thổi xuống, gây mưa rét kéo dài. Cùng với sự phân mùa này, khu vực xã Kim Thủy có chế độ mưa rõ rệt: các tháng ít mưa (tháng 2 - tháng 4) và các tháng mưa nhiều (tháng 9-11). Lượng mưa trung bình hàng năm ở đây thường đạt 2.000-3.000mm. Tuy nhiên, tháng 10/2020 lượng mưa đổ về bất thường với số liệu đo được là 2.000mm đã gây ngập lụt ở nhiều nơi.

Về địa hình: Xã Kim Thủy nằm trong khu vực địa hình hẹp của huyện Lệ Thủy; đây là vùng hội thủy từ các núi đất có độ cao trung bình 700m. Tại đây có sông Kiến Giang và sông Long Đại chảy qua. Vào mùa mưa, nước sông dâng cao đột ngột dễ gây ngập úng các khu dân cư ven sông đồng thời chia cắt đường giao thông đi lại của một số bản trong xã.

Về kinh tế: Hiện nay, người dân xã Kim Thủy canh tác các loại cây trồng như lúa, ngô, sắn, lạc,... với tổng diện tích cây trồng hàng năm 198 ha. Năng suất lúa bình quân cả năm đạt 45,20 tạ/ha, tổng sản lượng lương thực cả năm đạt 567,89 tấn (trong đó lúa 528,89 tấn, ngô 39 tấn). Bên cạnh hoạt động nông nghiệp, người Bru - Vân Kiều cũng khai thác một số

sản phẩm từ rừng và duy trì hoạt động chăn nuôi. Hoạt động trồng rừng và chăm sóc bảo vệ rừng cũng được người dân thực hiện. Thu nhập bình quân đầu người của xã hiện nay đạt 15,3 triệu đồng/năm.

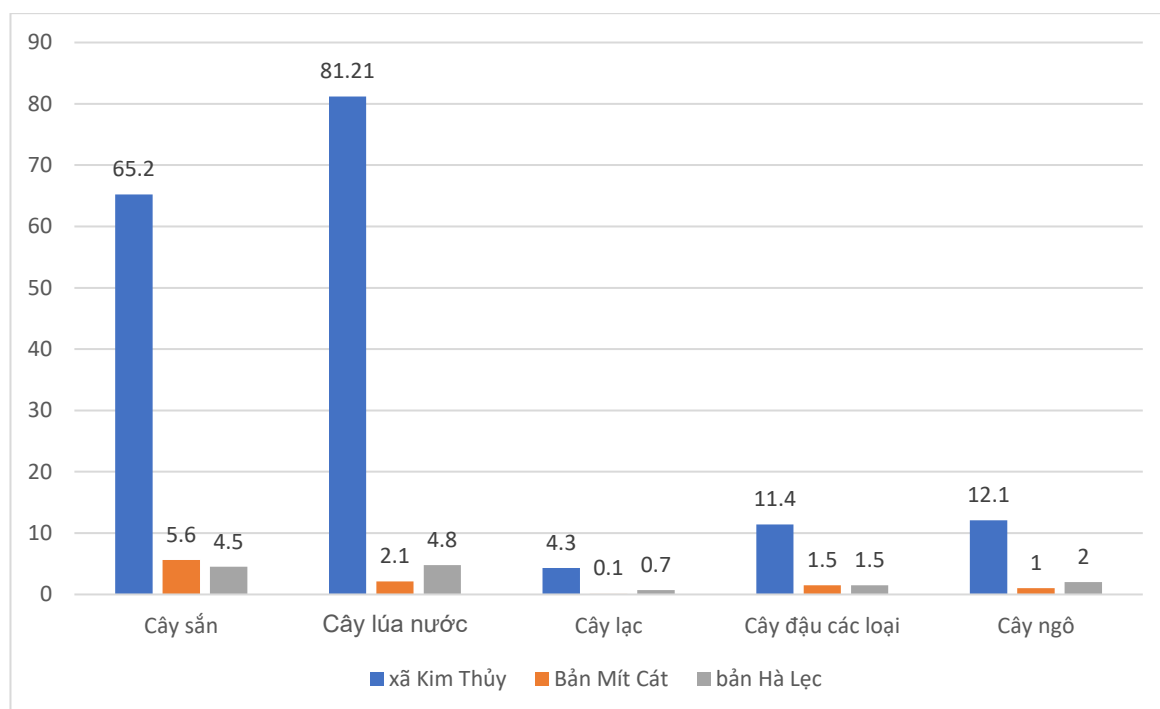
3. Hoạt động sinh kế hiện nay của người Bru - Vân Kiều khu vực giới tỉnh Quảng Bình

3.1. Canh tác ruộng, rẫy

Tại xã Kim Thủy, các loại cây trồng được người dân canh tác gồm: sắn, lúa nước, lạc, khoai... Tuy nhiên, do diện tích tự nhiên không nhiều nên các loại cây trồng có diện tích không lớn. Xu hướng hiện nay người dân chuyển dần diện tích đất nương trồng ngô sang trồng sắn và keo lai.

Cây sắn được trồng tại đây từ năm 2005, đến nay, tổng diện tích sắn của xã là 65,2 ha. Trong khi đó, hai bản Hà Lạc và Mít Cát có 4,5ha và 5,6 ha. Trung bình mỗi hộ ở bản Hà Lạc có 0,092 ha trồng sắn, còn ở thôn Mít Cát có khoảng 0,072 ha/hộ. Năng suất sắn bình quân 14-15 tấn/ha tùy vào chất đất có giàu dinh dưỡng hay không. Vụ trồng sắn thường bắt đầu được người dân trồng từ tháng 12 đến khoảng tháng 11, tháng 12 năm sau sẽ được thu hoạch. Năm 2023, giá bán sắn là 1.400đ/kg, tính trung bình mỗi hộ tại đây thu nhập từ 1.800.000-2.000.000đ/năm. Bên cạnh cây sắn được trồng để tìm kiếm thu nhập trong năm, người Bru - Vân Kiều nơi đây còn trồng thêm ngô và lúa nước là cây cung cấp lương thực cho gia đình. Tuy nhiên, các loại cây trồng này phát triển dựa vào nước mưa tự nhiên hàng năm. Theo thống kê của xã Kim Thủy năm 2023, do thời tiết nắng hạn nên sản lượng ngô chỉ có 39 tấn và lúa 528,89 tấn (UBND xã Kim Thủy, 2023). Giống lúa trồng là giống PC6 phù hợp với thời tiết khô tại địa phương.

Hình 1: Diện tích một số loại cây trồng tại xã Kim Thủy và hai bản Mít Cát, Hà Lạc (ha)



Nguồn: UBND xã Kim Thủy, 2022

Thời vụ trồng ngô bắt đầu chuẩn bị đất và tra hạt vào tháng 12, đến tháng 4 năm sau cây ngô sẽ cho thu hoạch. Do khu vực xã Kim Thủy nói riêng và vùng biên giới Việt - Lào tỉnh Quảng Bình nói chung có đặc điểm khô nóng vào mùa hè khiến nhiều diện tích đất khô hạn. Cây ngô được coi là một trong những loại cây trồng dễ tính nhưng khó sinh trưởng ở đất khô hạn. Vì vậy, ngô ở đây chỉ được trồng vụ đông xuân từ tháng 12 đến tháng 5. Để hạn chế tác động của khô hạn, người dân có sử dụng trồng xen cây ngô với cây họ đậu. Việc trồng cây họ đậu cũng đã được nhiều cộng đồng cư dân ở khu vực miền núi phía bắc và khu vực Nghệ An thực hiện và cho thấy hiệu quả (Nguyễn Thị Bích Thủy cùng cộng sự, 2021). Việc xen đất ngô vừa làm tăng độ che phủ, giảm lượng bốc hơi, và tăng độ ẩm trong đất từ cây trồng họ đậu (Siraj Beshir & Jemal Abdulkarim, 2017). Thống kê năm 2022, sản lượng ngô của xã Kim Thủy đạt 39 tấn, năng suất trung bình đạt 32,23 tạ/ha.

Với cây đậu: ở đây bà con thường trồng đậu đen, đậu xanh. Cây đậu trồng với diện tích nhỏ với 11,4 ha trên toàn xã Kim Thủy. Tại bản Hà Lọc và Mít Cát mỗi bản có trung bình 1,5 ha. Cây đậu có thời gian sinh trưởng ngắn hơn ngô (từ tháng 12 - tháng 4). Bà con thường trồng đậu xen với ngô để tăng độ che phủ trên bề mặt đất, vừa giảm bốc hơi nước vừa giảm thời gian làm cỏ cho cây trồng. Năm 2022, đậu các loại chỉ đạt năng suất 8 tạ/ha, ngô đạt 40 tạ/ha. Do diện tích ngô và đậu ở hai bản Mít Cát và Hà Lọc không nhiều nên sản lượng ngô chỉ được 8 tạ (Mít Cát), 16 tạ (bản Hà Lọc); cây đậu: 12 tạ (Mít Cát) và 12 tạ (Hà Lọc). Nhìn chung, giá trị kinh tế đem lại từ các loại cây lương thực không cao do diện tích đất trồng nhỏ hẹp. Do diện tích và sản lượng đậu không nhiều, cây đậu chỉ được trồng nhỏ lẻ trong các hộ gia đình, nên sau khi thu hoạch đậu người Bru - Vân Kiều thường mang đổi gạo mà không có để bán với số lượng lớn.

Đối với cây lúa, đa số các bản ở Kim Thủy trồng được 2 vụ lúa trong năm là vụ Đông Xuân (tháng 12- tháng 4) vụ Hè Thu (tháng 5 đến tháng 8). Tuy nhiên, tại bản Hà Lọc, người dân chỉ canh tác được 1 vụ lúa Đông Xuân trong năm. Lý do là vào vụ Hè Thu không đủ nước cho cây lúa phát triển. Tại hai thôn nghiên cứu là Hà Lọc và Mít Cát cho thấy: tại bản Hà Lọc, diện tích lúa nước 4,8ha với 1 vụ trồng lúa, diện tích canh tác trung bình là 0,08ha/hộ; tại bản Mít Cát, có diện tích trồng cây lúa nước chỉ có 2,1ha và bình quân mỗi hộ canh tác 0,027ha/hộ và bản Hà Lọc (Phạm Thị Cẩm Vân, 2024). Giống lúa sử dụng phổ biến vào vụ Đông Xuân là Thiên Ưu, Xuân Mai với thời gian sinh trưởng khoảng 3,5 tháng, trong khi đó giống lúa của vụ Hè Thu là PC6 (thời gian sinh trưởng 3 tháng 5 ngày). Việc lựa chọn 2 loại giống lúa khác nhau cho 2 vụ lúa trong năm là do tháng 9 ở Kim Thủy thường xảy ra lũ nên người dân phải chọn lựa cây trồng ngắn ngày hơn để có thể thu hoạch lúa trước khi lũ về.

Cây keo: Cây keo bắt đầu được trồng ở địa phương từ những năm 2005, đến năm 2023 xã Kim Thủy có khoảng gần 10.000 ha keo lai. Tại hai bản nghiên cứu là Hà Lọc và Mít Cát cũng chỉ có khoảng 15-20 hộ có diện tích đất trồng keo có thể khai thác được, còn lại người dân vẫn duy trì đất trồng sắn. Về thời gian sinh trưởng: cây keo trồng đến năm thứ 5 bắt đầu cho thu hoạch. Khi khai thác, người dân thường bán cả đôi keo. Giá bán cao hay thấp phụ thuộc vào đôi keo gần hay xa đường giao thông. Với những đôi keo dễ khai thác và gần đường giao thông thì thương lái có thể mua 40-45tr/ha, nhưng với đôi xa đường giao thông lại chỉ bán được 30 triệu/ha. Tại các địa điểm nghiên cứu, với con số trung bình diện tích trồng keo là 1,5ha/hộ thì sau 5 năm, tính trung bình chỉ có thu nhập 45 triệu-67 triệu/5 năm. Như vậy, trong một năm trung bình mỗi hộ chỉ có thu nhập 9-13,4 triệu/năm. Nếu so sánh

giữa trồng keo với trồng sắn cây keo cho thu nhập cao hơn. Tuy nhiên, việc chuyển đổi đất trồng sắn sang trồng keo và để khai thác keo thì người dân còn gặp nhiều khó khăn. Đồng thời, trồng keo phải 5 năm mới cho thu hoạch và thu được nguồn lợi từ trồng keo, cây sắn có thể đem lại nguồn tài chính hàng năm để chi trả cho cuộc sống của người dân.

Có thể thấy, hệ thống cây trồng của người Bru - Vân Kiều ở đây khá đơn giản. Các cây trồng truyền thống là ngô, lúa, đậu. Cây sắn và cây keo mới được canh tác trong thời gian gần đây. Tính về thu nhập, chỉ có cây sắn và cây keo là mang nhiều giá trị kinh tế hơn cả so với các cây trồng còn lại.

3.2. Chăn nuôi

Trong truyền thống, chăn nuôi là một trong những hoạt động sinh kế không thể thiếu của người Bru - Vân Kiều của tỉnh Quảng Bình. Các sản phẩm chăn nuôi là nguồn cung cấp thực phẩm cho các dịp cúng lễ của người dân. Cho đến nay, phương thức chăn nuôi của người Bru - Vân Kiều ở xã Kim Thủy đa số vẫn là thả rông và phụ thuộc nhiều vào tự nhiên. Thống kê số lượng vật nuôi toàn xã Kim Thủy và ở bản Mít Cát, Hà Lọc như sau:

Bảng 2. Các loại vật chính nuôi tại xã Kim Thủy năm 2022

TT	Thôn/bản	Vật nuôi (con)					Ngan, ngỗng, vịt
		Trâu	Bò	Lợn	Dê	Gà	
1	Hà Lọc	36	24	26	60	1.200	40
2	Mít Cát	25	30	15	8	300	30
Tổng toàn xã		301	911	334	316	25.700	1.990

Nguồn: UBND xã Kim Thủy, 2022

Từ bảng trên có thể thấy, gia súc chiếm số lượng nhiều nhất ở xã Kim Thủy là bò. Trâu là vật nuôi truyền thống nhưng hiện nay lại chiếm số lượng ít hơn. Những năm gần đây một vài bản của xã Kim Thủy có phát triển đàn dê. Tại hai bản Mít Cát và Hà Lọc, số lượng gia súc gia cầm của người Bru - Vân Kiều thấp hơn rất nhiều so với tổng số lượng của toàn xã Kim Thủy. Lý do là, hoạt động chăn nuôi của người Bru - Vân Kiều chủ yếu vẫn là thả thả tự nhiên. Trong khi đó, diện tích đất trống dành cho chăn thả lại không nhiều. Hơn nữa, giá trị kinh tế của các loại gia súc (trâu, bò hay lợn) lại khá cao so với khả năng đầu tư tài chính của người dân. Đa số vật nuôi người dân có được là từ những chương trình dự án hỗ trợ phát triển sản xuất của địa phương. So sánh về số lượng vật nuôi ở hai thôn Mít Cát và Hà Lọc có sự khác nhau, ở thôn Mít Cát cho biết họ ưa thích chăn nuôi bò hơn do có tốc độ phát triển nhanh, một năm có thể cho 2-3 bê con trong khi trâu chỉ cho 1 nghé. Giá mua con giống và bán con nghé so với con bê đắt hơn khoảng 1,3 - 1,5 lần, tuy nhiên xét tổng năng suất và lợi nhuận thì chăn nuôi bò mang lại giá trị cao hơn. Ngược lại, ở thôn Hà Lọc người dân lại cho rằng trâu dễ nuôi hơn bò vì con bò chỉ ưa thích các bãi cỏ ven suối. Bò không có khả năng tự tìm kiếm thức ăn như trâu, không phù hợp với địa hình cao dốc, nhiều rừng, nhiều keo, ít đất bãi.

Ở thôn Hà Lọc, bên cạnh trâu và bò, dê là giống vật nuôi mới được bà con ưa chuộng. Hoạt động chăn nuôi dê xuất hiện ở Hà Lọc cách đây 3 năm từ chương trình hỗ trợ phát triển

kinh tế địa phương. Cả thôn có 01 hộ đăng ký và được cấp 14 con giống. Đến năm 2023, đàn dê đã phát triển lên 60 con. Giá bán mỗi kg dê thịt khoảng 120-150 ngàn đồng, mỗi lứa được 2-3 con giống tùy điều kiện chăm sóc, chỉ sau khoảng nửa năm có thể xuất chuồng cao hơn hẳn so với 4-5 năm nuôi trâu bò. Theo người dân địa phương, chăn nuôi dê có thể thả rông trong rừng keo tự kiếm ăn mà không sợ phá cây như trâu, cũng không cần bãi rộng nhất định phải có cỏ như nuôi bò.

3.3. Khai thác tự nhiên

Từ năm 2018, khi có quy định đóng cửa rừng, người dân không được khai thác gỗ. Việc khai thác các sản phẩm tự nhiên của người Bru - Vân Kiều chỉ còn là khai thác các lâm sản phụ. Các sản phẩm bao gồm: lá nón, ngọn đoác, mật ong, măng. Qua phỏng vấn sâu tại địa phương, các sản phẩm khai thác từ rừng được thực hiện trong những khoảng thời gian khác nhau. Những loại rau rừng, rau xanh thường khai thác sau mùa mưa vì thời điểm đó các loại thực vật sau mưa có tốc độ sinh trưởng và phát triển tốt. Mật ong lại phải khai thác vào mùa khô nóng vì loài ong khó phát triển vào mùa mưa lạnh.

Đối với hoạt động khai thác mật ong, thời gian bắt đầu từ tháng 3 đến tháng 8 trong năm. Thời điểm có tìm kiếm được nhiều mật nhất là tháng 5- tháng 6. Qua phỏng vấn sâu người dân tại bản Hà Lọc cho biết: “Con ong cho mật nhiều nhất trong khoảng thời gian từ tháng 5 - tháng 6. Thời điểm này có nhiều loại hoa rừng, khí hậu phù hợp cho ong phát triển” (PVS, năm 36 tuổi, Hồ Văn H, bản Hà Lọc, xã Kim Thủy). Để khai thác ong, những người Bru - Vân Kiều nơi đây thường đi theo nhóm 2-3 người. Công việc này bắt đầu từ lúc tìm và theo dõi ong đi “uống” nước, thấy tổ ong và khai thác mật từ những tán cây cao trong rừng, nếu may mắn, ụ ong nhiều mật cũng được 8-10 chai mật ong. Việc đi kiếm ong do người đàn ông trong gia đình thực hiện do tính khó khăn và nguy hiểm của công việc. Sản phẩm khai thác được sẽ đem chia đều cho cả nhóm cùng đi khai thác ong. Giá bán mật từ 200-250.000đ/chai 750ml.

Cùng với kiếm mật ong rừng, hoạt động kiếm các loại thực vật từ rừng cũng được cũng được người Bru - Vân Kiều thực hiện. Các sản phẩm này bao gồm: măng rừng, ngọn đoác, ngọn mây rừng. Bảng dưới là thời gian và giá bán một số sản phẩm khai thác được từ rừng của của người Bru - Vân Kiều ở xã Kim Thủy.

Bảng 3: Thời gian khai thác các sản phẩm từ tự nhiên

STT	Loại sản phẩm	Thời gian khai thác	Công dụng	Giá bán
1	Lá nón	Tháng 3,4,5,6,7,8	Nguyên liệu đan nón	10.000đ/kg
2	Mật ong rừng	Tháng 4,5,6,7	Thuốc chữa bệnh, bồi bổ cơ thể	250.000đ/750ml
3	Măng rừng	Tháng 7, 8	Dùng làm thức ăn	7.000đ/kg
4	Ngọn cây đoác	Tháng 3,4,5	Dùng làm thức ăn	15.000đ/kg
5	Ngọn cây mây	Tháng 3,4,5	Dùng làm thức ăn	5.000đ/kg

Nguồn: Phỏng vấn sâu tại xã Kim Thủy, huyện Lệ Thủy

Khai thác lá nón: Đây là một trong những sản phẩm được người Bru - Vân Kiều khai thác được nhiều hơn cả. Công việc này thường được phụ nữ Bru - Vân Kiều thực hiện vào những lúc không tham gia các công việc trên nương. Trung bình người dân có thể kiếm được 10kg/ngày. Giá bán bình quân của lá nón là 10.000đ/kg.

So sánh trong khai thác các sản phẩm tự nhiên, người Bru - Vân Kiều nơi đây cho biết “Hiện nay các sản phẩm khi thác được cũng không còn nhiều, chỉ có nhiều nhất là lá nón. Kiếm mây thì không phải lúc nào cũng có, phải gặp cả vạt mây thì mới có ngọn mây được” (PVS. Hồ Văn M, 40 tuổi, bán Mít Cát). Tuy nhiên, người dân cũng cho biết khi nào người buôn đặt hàng nhờ đi kiếm thì họ mới đi tìm kiếm các loại các sản phẩm tự nhiên đã nêu trên. Nếu không có người đặt mua thì sẽ không đi lấy, vì đi về sẽ không bán được cho ai. Đặc biệt, vào những đợt sau mưa lũ, đường xá bị ảnh hưởng thì những người buôn không thể lên tới các bản để thu mua các sản phẩm tự nhiên này.

3.4. Các hoạt động sinh kế khác

Đi làm thuê được coi là một trong những hoạt động của người người Bru - Vân Kiều thực hiện trong khoảng thời gian 10 năm trở lại đây. Tuy nhiên, hoạt động này bị gián đoạn trong thời gian dịch bệnh Covid-19 và bắt đầu khôi phục lại từ năm 2022. Độ tuổi trung bình của những người tham gia làm thuê thường từ 20-27 tuổi. Các công việc làm thuê tại địa phương và ở ngoại tỉnh.

Với công việc làm thuê tại địa phương: chủ yếu là trồng keo, chăm sóc keo, khai thác keo. Công việc làm thuê trong xã thường là trồng keo thuê, bóc vỏ keo, thu hoạch keo,... Thông thường, khi tham gia những công việc này, người dân được trả 200.000 - 250.000đ/người/ngày công. Việc trồng keo thì phụ nữ có thể tham gia được nhưng thu hoạch hoặc bóc vỏ keo là chỉ có nam giới làm được. Tuy nhiên, công việc làm liên quan đến trồng và thu hoạch keo không có nhiều do ở địa phương chưa có nhiều hộ có đất để trồng keo.

Bên cạnh làm thuê tại địa phương, một số thanh niên trong xã cũng đã tham gia các công việc làm thuê ngoài tỉnh: làm công nhân xưởng sản xuất giày, công nhân làm đường... ở các tỉnh như Huế, Quảng Ngãi, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh. Công việc làm thuê ngoài tỉnh thường dành cho nam giới với thu nhập ổn định và có thể là một lựa chọn trong bối cảnh thời tiết thay đổi, diện tích canh tác thấp không đủ sản xuất. Tiền công 5-6 triệu/tháng chưa tính tiền ở trọ. Ở đây chủ yếu là lao động phổ thông, không tìm được việc làm tại các khu công nghiệp do đa số thanh niên ở đây chưa tốt nghiệp Trung học phổ thông.

4. Các yếu tố tác động đến sinh kế của của người Bru - Vân Kiều vùng biên giới tỉnh Quảng Bình

4.1. Chính sách hỗ trợ phát triển sinh kế cho người dân

Với đặc thù là xã biên giới, người dân xã Kim Thủy nói chung và người Bru - Vân Kiều ở hai bản nghiên cứu đã và đang nhận được sự hỗ trợ quan tâm của Chính phủ cho phát triển sinh kế. Một số chương trình đã và đang thực hiện tại địa phương như: Chương trình 135 thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững; Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi, chương trình Nông thôn mới,... Năm 2022, nguồn vốn mà xã Kim Thủy được cấp từ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 7.073.000 đồng, tập trung cho hoàn thiện cơ sở hạ tầng địa phương. Trong lĩnh vực sản xuất, người dân nơi đây đã nhận được một số hỗ trợ: hỗ trợ giống lúa, mít thái ruột đỏ, bưởi da xanh, cây keo... Theo đó, với những hộ có đất trồng lúa sẽ được hỗ trợ về giống cây trồng. Nhờ vậy, người dân có thể cung cấp được một phần lương thực cho đời sống hàng ngày. Thu nhập bình quân của người Bru - Vân Kiều tại hai bản nghiên cứu đạt 12,6 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ hộ nghèo có xu hướng giảm.

Bên cạnh đó, người Bru - Vân Kiều nơi đây vẫn khó khăn sau khi nhận hỗ trợ sản xuất, ví dụ như: Với chương trình hỗ trợ giống cây ăn quả, hộ nào đăng ký sẽ được cấp giống và hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc. Tuy nhiên, kết quả khảo sát tại bản Hà Lạc cho thấy: cây ăn quả chưa được phát triển như mong muốn có thể do kỹ thuật chăm sóc hoặc cây trồng không phù hợp với điều kiện địa phương. Ở bản Hà Lạc, có 02 hộ đăng ký trồng bưởi da xanh và mít thái. Sau 3 năm tỷ lệ cây sống lại rất ít chưa nói là phát triển và cho trái. Phỏng vấn sâu tại bản Hà Lạc, người dân cho biết “cách đây 3 năm có dự án cho bưởi, hộ nào đăng ký thì cho bưởi, như nhà mình đăng ký 10 cây nhưng cây không thấy phát triển, trồng 10 cây thì cũng chỉ được 7-8 cây, cho 10 cây bưởi, cho một bao phân để hỗ trợ bón cây. Ngoài cho bưởi thì cũng cho cây mít, mít này cũng cho vào năm đó, cũng được khoảng 10 cây, nhưng chỉ sống được 6 cây. Năm đấy trong khu mình thì cũng chỉ có 1 hộ đăng ký trồng cây, thì mình đang có đất nên mình trồng thử cây ăn quả bưởi mít ở đây không thấy lớn” (PVS, Hồ D, 51 tuổi, thôn Mít Cát). Trong chăn nuôi, người dân được hỗ trợ giống bò lai sinh và nuôi gà thả vườn hay đăng ký chăn nuôi dê. Có thể thấy, điều kiện tự nhiên và môi trường ở xã Kim Thủy trước mắt có thể mở rộng phát triển chăn nuôi đàn dê.

Bên cạnh các chính sách cho phát triển kinh tế được thực hiện tại địa phương, đặc biệt là dành cho hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số. Việc thực hiện các chính sách khác về quản lý đất rừng đang là một trong những khó khăn khi người dân phát triển sinh kế. Ví dụ trong việc trồng cây keo: Cây keo được coi là một trong những hướng đi giúp người Bru - Vân Kiều nơi đây phát triển sinh kế hộ gia đình, hoạt động mở rộng diện tích trồng keo đang được người dân thực hiện. Sau thời gian 3-4 năm, khi cây keo có thể khai thác bán thì họ lại gặp khó khăn trong thủ tục bán keo. Lý do là: trước đây, với đặc trưng du canh du cư, người dân tự khai thác các diện tích đất nương để trồng ngô, sắn. Từ năm 2005, phong trào trồng keo phát triển, người dân sử dụng một phần đất nương rẫy trước đây chuyển sang trồng keo. Tuy nhiên, với sự thay đổi trong chính sách quản lý và bảo vệ rừng của chính phủ, một phần diện tích đã được người dân trồng keo đang bị chồng lấn với diện tích rừng phòng hộ và diện tích thuộc khu bảo tồn thiên nhiên Động Trâu - Khe Nước của tỉnh Quảng Bình. Trong khi đó, việc chồng lấn này chưa được giải quyết một cách thấu đáo nên họ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đồng nghĩa với việc không có minh chứng rằng diện tích keo đã đến tuổi khai thác là do người dân trồng và chăm sóc.

4.2. Yếu tố thiên tai và biến đổi khí hậu

Khu vực biên giới Việt Lào ở tỉnh Quảng Bình thường chịu ảnh hưởng của một số loại hình thiên tai như: bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất, nắng nóng, hạn hán. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến năng suất và quá trình thu hoạch sản phẩm nông sản cũng như sự phát triển của vật nuôi. Trong sản xuất: năm 2021 lũ tiêu mẫn đến sớm làm cho cây sắn không trồng theo lịch thời vụ được do ngập nước, vụ sắn phải trồng lại nhiều lần. Cũng chính vì vậy ảnh hưởng đến thời gian thu hoạch đối với cây sắn¹. Hiện tượng khô hạn và mưa lũ cũng ảnh hưởng đến

¹ Thông thường, thời gian thu hoạch sắn ở Kim Thủy sẽ là 9 tháng, tức là trồng sắn từ tháng 12 đến tháng 8 năm sau thu hoạch. Đây cũng là thời điểm thích hợp bởi lúc này chưa đến mùa lũ, mực nước sông thấp, xe thu mua có thể qua sông được. Nếu sau tháng 8, đến tháng 9 là bắt đầu mùa lũ, nước sông dâng cao, xe trở sắn sẽ không vào được nương được. Mùa lũ năm 2020 đến sớm khiến nước sông Kiến Giang dâng cao, xe mua nông sản không vào được nương mua sắn, khiến nhiều ha sắn không được thu hoạch. Lượng sắn này chờ khi nước rút thu hoạch sẽ bị xấp, khi bán giá bị rẻ hơn so với bán vào thời điểm tháng 8.

năng suất cây lúa nước. Điển hình là tháng 5-6/2021 thời tiết khô nắng khiến nhiều diện tích trồng lúa nước bị ảnh hưởng do không được cung cấp nước thường xuyên (UBND xã Kim Thủy, 2023). Thiên tai cũng khiến người dân xã Kim Thủy nói chung và người Bru - Vân Kiều nói riêng phải thay đổi lịch mùa vụ. Vụ Đông Xuân Năm 2021 phải thực hiện sau 1 tháng so với lịch thông thường. Cây sắn trồng lại 3 lần do vừa xuống giống gặp thời tiết mưa nhiều nên mầm cây non bị hỏng (Phạm Thị Cẩm Vân, 2024). Một số thiệt hại do thiên tai và biến đổi khí hậu gây ra tại địa bàn nghiên cứu: Năm 2016: Lũ lụt làm 17 nhà bị ngập lụt, 3,4ha sắn bị ngập và hư; làm hỏng 40m đường và 50 m kênh mương; Rét hại làm chết 7 con lợn; 24 con trâu bò. Năm 2017: bão số 10 đã cuốn trôi 8 con gia súc; 3.765 gia cầm bị chết; thiệt hại 10.894,80 ha rừng hiện có;... Trong đó, tại bản Hà Lạc bị thiệt hại 69,5 ha keo trầm; 8 căn nhà bị sập, tốc mái; Bản Mít Cát có 16 ha keo trầm bị thiệt hại; 22 căn nhà bị sập, tốc mái. Đặc biệt, năm 2020 có lũ lụt lịch sử, với mực nước đo được tại trạm đo Tuyên Hóa, lượng mưa vào tháng 10/2020 đạt gần 2000mm, cao gấp hơn 4 lần so với cùng thời điểm tháng 10 năm 2019 tác động lớn đến sản xuất và đời sống của người dân.

4.3. Cơ sở hạ tầng tại địa phương

Cơ sở hạ tầng còn nhiều khó khăn là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sinh kế của người dân. Đường giao thông đi lại chưa thuận tiện khiến hàng nông sản bị ép giá xuống thấp. Tỷ lệ km đường trục thôn bản và đường liên thôn, bản được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại quanh năm ở bản Hà Lạc chỉ đạt 50%; đồng thời Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển, thuận tiện cho sản xuất quanh năm tại bản Hà Lạc là 30% và tại bản Mít Cát là 30%. Trong khi đó, chỉ tiêu đạt phải là 50%. Việc đi lại khó khăn, vận chuyển nông sản đặc biệt là vào vụ thu hoạch sắn khiến xe không thể vào tận nương để thu mua. Điều này khiến giá thành sản phẩm bị thấp hơn so với giá bán thực tế tại những nơi có đường giao thông đi lại thuận tiện. Tại bản Hà Lạc, số hộ gần đường giao thông xe có thể đi vào là khoảng 30/56 hộ. Đặc biệt vào mùa mưa, đường vào thôn bị chia cắt là những trở ngại trong việc tham gia các hoạt động sinh kế hay tìm kiếm các nguồn sinh kế mới của người dân nơi đây.

Tại xã Kim Thủy, cây cầu bắc qua sông Long Đại đoạn qua thôn Mít Cát vẫn chưa có kế hoạch xây dựng, trong khi đó, vào mùa khô, nước sông chỉ cao cao 20-30cm, người dân không gặp nhiều khó khăn khi qua sông nhưng vào mùa mưa người dân không thể qua được nếu nước lũ dâng cao. Điều này ảnh hưởng đến sinh hoạt và sản xuất bởi đây là con đường giao thông duy nhất để xe chở hàng nông sản có thể vào thu mua cho người dân cũng như để người dân có thể di chuyển ra trung tâm xã và các địa phương khác.

5. Kết luận

Khu vực biên giới của tỉnh Quảng Bình là một trong những nơi tụ cư lâu đời của người Bru - Vân Kiều. Với các điều kiện tự nhiên nơi đây, người Bru - Vân Kiều đã và đang duy trì một số hoạt động sinh kế để mang lại nguồn thu cho hộ gia đình.

Cũng như các tộc người khu vực biên giới Việt Lào khác, sinh kế hiện nay của người Bru - Vân Kiều bao gồm: Trồng trồng trọt, cây lúa là cây trồng chính mang lại nguồn lương thực cho người dân, bên cạnh đó, chuyển đổi trồng nương trồng ngô sang trồng sắn, trồng keo đã và đang mang lại thu nhập cho người dân. Trong chăn nuôi, vật nuôi trâu, bò, gia cầm vẫn là các vật nuôi truyền thống, xu hướng phát triển đàn dê đang được một số hộ thử nghiệm

và bước đầu cho thấy sự phù hợp của vật nuôi với điều kiện tự nhiên của địa phương. Bên cạnh đó, khai thác các sản phẩm tự nhiên (kiếm mật ong, lá nón, măng, mây...) và đi làm thuê cũng là những hoạt động để người dân tăng nguồn thu của gia đình.

Bước đầu các hoạt động sinh kế trên đã mang lại nguồn thu cho người dân, tuy nhiên, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, thu nhập bình quân của người Bru - Vân Kiều còn thấp hơn so với cộng đồng sinh sống trong cùng khu vực. Một trong các lý do trên là sự tác động của một số yếu tố: Về quản lý đất đai, về thiên tai và biến đổi khí hậu hay cơ sở hạ tầng giao thông còn chưa hoàn thiện hay yếu tố về tâm lý tộc người. Để có thể thúc đẩy phát triển sinh kế của người Bru - Vân Kiều nói riêng hướng tới ổn định an ninh vùng biên, trước mắt chính quyền địa phương cần ưu tiên giải quyết vấn đề quyền sử dụng đất cho người dân để họ yên tâm sản xuất, hai là đầu tư cơ sở hạ tầng tạo điều kiện thuận lợi cho mua bán các sản phẩm nông sản, hỗ trợ vốn cũng như tìm kiếm giới thiệu việc làm cho người dân.

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Công Thảo. (2023). Vai trò của giới tính hoa trong thúc đẩy năng lực ứng phó với thiên tai cho người dân ở xã Trường Xuân, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Tạp chí *Dân tộc học*. số 2.

Nguyễn Xuân Hồng. (2013). Sinh kế thích ứng sau tái định cư của cộng đồng Bru - Vân Kiều ở xã Hồng Tiến, Hương Trà, Thừa Thiên Huế. Thông báo Dân tộc học.

Nguyễn Thị Bích Thủy, Đào Châu Thu, Cao Việt Hưng. (2021). Ảnh hưởng của một số cây trồng xen với ngô đến tính chất đất và năng suất ngô trồng trên đất cát biển tỉnh Nghệ An. Tạp chí *Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*. số 19.

Phạm Thị Cẩm Vân. (2024). Thiên tai và phòng chống thiên tai của người Bru - Vân Kiều vùng biên giới tỉnh Quảng Bình. Tạp chí *Dân tộc học*. số 3.

Phạm Thị Hà Xuyên, Bùi Thị Bích Lan. (2018). *Sinh kế của một số tộc người thiểu số tại chỗ ở các tỉnh từ Quảng Bình đến Thừa Thiên - Huế trong bối cảnh hiện nay*. Báo cáo tổng hợp đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở. Viện Dân tộc học.

Siraj Beshir & Jemal Abdulkarim. (2017). Effect of Maize/Haricot Bean Intercropping on Soil Fertility Improvement under Different Tied Ridges and Planting Methods, Southeast Ethiopia. *Earth & Environmental Sciences*. 5(8).

Trung tâm khí tượng thủy văn. (2023). *Số liệu thống kê lượng mưa, nhiệt độ tại trạm Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình*.

Ủy ban Nhân dân xã Kim Thủy. (2022). *Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022, xây dựng kế hoạch năm 2023*.

Vi Văn Biên. (2012). *Nghiên cứu văn hóa dân tộc Bru - Vân Kiều phục vụ hoạt động của Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam*. Báo cáo đề tài cấp Bộ. Thư viện Viện Dân tộc học.